

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2011

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	HUYỆT MINH	QUÝ II/2010	QUÝ II/2011	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	152.198.867.582	212.861.052.574	60.662.184.992	139,86
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10		152.198.867.582	212.861.052.574	60.662.184.992	139,86
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	89.271.533.623	102.376.737.822	13.105.204.199	114,68
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		62.927.333.959	110.484.314.752	47.556.980.793	175,57
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.585.796.871	32.963.464.805	22.377.667.934	311,39
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	2.478.318.648	1.875.270.659	-603.047.989	75,67
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.698.296.325	283.636.110	-2.414.660.215	10,51
8	Chi phí bán hàng	24		2.666.347.008	1.923.024.814	-743.322.194	72,12
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.606.327.641	9.863.390.209	-5.742.937.432	63,20
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		52.762.137.533	129.786.093.875	77.023.956.342	245,98
11	Thu nhập khác	31		1.158.673.990	15.336.436.363	18.177.762.373	1.668,84
12	Chi phí khác	32		620.756.610	5.152.894.937	4.532.138.327	830,10
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		537.917.380	14.183.541.426	13.645.624.046	2.636,75
14	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			(606.009.660)		
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50		53.300.054.913	143.363.625.441	90.063.570.428	268,97
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.131.472.451	18.720.184.699		
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (=50-51-52)	60		49.168.582.462	124.643.440.742	75.474.858.180	253,50
19	Lợi ích của cổ đông tối thiểu	61		196.674	502.765.420		
20	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		49.168.385.788	124.140.674.322		252,48
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

Giải Trình:

Trong Quý II/2010: Sản lượng tiêu thụ là 2.401,66 tấn; Giá bán bình quân: 58.909.127 VND/tấn.

Trong Quý II/2011: Sản lượng tiêu thụ là 2.129,9 tấn; Giá bán bình quân: 99.732.414 VND/tấn.

Do:

- + Sản lượng tiêu thụ Quý II/2011 thấp hơn Quý II/2010. Nhưng giá bán bình quân cao hơn Quý II/2010. (giá bán bình quân Quý II/2011 tăng lên : 40.823.287 VND/tấn hay tăng 69,3% so với Quý II/2010)
- + Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh Quý II/2011 tăng: 77.023.956.342 VND hay tăng 145,98% so với Quý II/2010.
- + Lợi nhuận khác Quý II/2010 tăng lên 13.645.624.046 VND - Do doanh thu cây cao su được chuyển sang doanh thu khác.

Do đó, lợi nhuận sau thuế Quý II/2011 tăng 75.474.858.180 VND hay tăng 153,5% so với Quý II/2010.

Người lập biểu

Huong

VÕ DUY HƯƠNG

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình



tháng 07 năm 2011

Kiểm Giám Đốc

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Thanh Hải